TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ–ST
Ngày: 23-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Vững;

2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 694/2024/TLST-HNGĐ, ngày 05/12/2024, về "*ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày: 23/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh H, sinh năm: 1980, cư trú: Ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Bà T và ông H cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 16/7/2002. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, thời gian đầu sống chung hạnh phúc. Nguyên nhân bà T xin ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Ông H không quan tâm, chăm sóc đến vợ con. Hiện bà và ông H không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung là Trần Thị Thu T1, sinh ngày 10/7/2002 và Trần Nguyễn Phương T2, sinh ngày 04/5/2012. Hiện cháu T1 đã trưởng thành. Nếu Toà án cho ly hôn bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Nợ chung, tài sản chung: Bà T xác định không có.

Bị đơn ông Trần Thanh H đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; và các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T có văn bản xin giải quyết vắng mặt, ông H được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 16/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An cấp thì bà T, ông H là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Bà T, ông H lập quan hệ vợ chồng vào năm 2002, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc vào thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mà bà T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông H không quan tâm đến vợ con. Hiện bà T và ông H không còn sống chung khoảng 02 năm nay. Trong thời gian này, vợ chồng không có giải pháp gì đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải, nhưng bà T, ông H không thể đoàn tụ được do ông H không đến. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Bà T và ông H có hai con chung là Trần Thị Thu T1, sinh ngày 10/7/2002, đã trưởng thành và Trần Nguyễn Phương T2, sinh ngày 04/5/2012. Hiện cháu T2 đang sống chung với bà T từ thời điểm bà T, ông H không còn sống chung. Nếu Toà án cho ly hôn bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu T2,

không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Phương T2. Việc giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng phù hợp với tâm tự, nguyện vọng của cháu T2.

Về mức cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có. Ông H vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013738, ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T đối với ông Trần Thanh H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T được ly hôn với ông Trần Thanh H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Phương T2, sinh ngày 04/5/2012

Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013738, ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã đăng ký kết hôn
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết Nn Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh V

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thanh Lâm